

Name:

Class: S6

Tel: 034.200.9294

Ngày GV giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ, ngày/.....



Vocab + Gram:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 5: MONEY – VOCABULARY 2 & PET SPEAKING

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

A. VOCABULARY

Calculator

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	cost (n)	chi phí	3	profit (n)	lợi nhuận
2	percent (adj / adv / n)	phần trăm (%)	4	total profit	tổng lợi nhuận (sau khi trừ chi phí)

Others

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	trainers (n)	giày thể thao	8	cheque (n)	tấm séc
2	swap (v)	tráo đổi	9	solid (adj / n)	thể rắn / chất rắn
3	visible (adj)	hiện hữu	10	fraction (n)	một phần nhỏ của cái gì
4	invisible (adj)	vô hình	11	raise money	thu thập, quyên góp tiền
5	antique (adj)	cổ xưa	12	save up for (phr.v)	tiết kiệm tiền để mua gì đó trong tương lai
6	defiant (adj)	bướng bỉnh, ngang ngạnh	13	compare (v)	so sánh, đối chiếu
7	relent (v)	mủi lòng	14	manage (v)	quản lý, xoay xở

Family words

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	generate (v)	sản sinh ra	2	generation (n)	thế hệ, đời

Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	sensible (adj)	hợp lý	4	tariff (n)	giá, thuế
2	operator (n)	người vận hành	5	chauffeur (n)	tài xế
3	fare (n)	giá vé, tiền cước	6	criminal record (n)	lý lịch tư pháp

- ❖ **Note :** n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ,
adv = adverb: trạng từ, phr. v = phrasal verb: cụm động từ

- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer

0. Let's take the kids to the science _____.
 (A) fair B. comfort C. satellite
1. When you've finished reading your book, and I've finished mine, can we _____?
 A. relent B. swap C. manage
2. You should wear something light-coloured when you're cycling at night so that you're more _____.
 A. visible B. invisible C. defiant
3. He did not eat _____ food for several weeks.
 A. defiant B. cheque C. solid
4. She wants to take up running so she needs a good pair of _____.
 A. profit B. trainers C. generation
5. Her parents eventually _____ and let her go to the party.
 A. relented B. raised C. chauffeured

Exercise 2: Find out the words or phrases based on the clues below

0. (of a disease or characteristic) given to a child by its parents before it is born	→	<u>HEREDITARY</u>
1. to examine people or things to see how they are similar and how they are different	→	C _ _ P A _ _
2. to use money, time, information, etc. in a sensible way	→	_ _ N _ _ E
3. a small part or amount of something	→	F _ A _ _ _ O N
4. a printed piece of paper that you write an amount of money on, sign, and use instead of money to pay for things	→	_ H _ Q _ E
5. clearly refusing to do what someone tells you to do	→	_ _ F _ A _ T

Exercise 3: Fill in the correct COMPARATIVE ADVERB form of the adjective in bracket

0. I speak English more fluently (**fluent**) now than last year. I have practiced speaking English a lot.
1. Thanks to the new laptop, he responds to emails _____ (**fast**) than he used to.
2. Planes can fly _____ (**high**) than birds.
3. She smiled _____ (**happy**) than before because of her mother's death.
4. He had an accident last year. Now, he drives _____ (**careful**) than before.
5. Could you write the note _____ (**clear**)? I can't read this.

Exercise 4: Circle the correct answer

0. Sarah often talks to her / herself / me in front of a mirror whenever she prepares for a presentation.
1. The robot can turn **itself** / **herself** / **its** off when it's not being used.

2. Because their parents were away for a few days, Anna must take care of **yourself / themselves / them**.
3. The artist painted a portrait of **himself / themselves / him**.
4. I hurt **himself / myself / herself** while playing football.
5. The dog entertains **itself / its / him** every time he comes home from work.

Exercise 5: Fill in the blanks with the given words in the box

cost	solve	invisible	profit	generation	percent
-------------	--------------	------------------	---------------	-------------------	----------------

0. You can't solve anything by just running away.
1. The latest test was so difficult that only 10 _____ of the students passed the test.
2. The _____ of living has increased over the past decade, making it harder for many families to save money.
3. Our goal is to build a better world for the next _____ through innovation and education.
4. They increased their prices to make more _____.
5. These bacteria are _____ unless they are viewed with a microscope.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/1P6oGzUYEhR2-BYJOZtAmapSihILjSCbi/view?usp=sharing>



Questions 6–10

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a boy leaving a message for a friend about some homework.

Homework	
Subject:	English
What to write:	(6)
Number of words:	(7)
Remember to add:	(8)
Get ideas from:	(9) www.com
Date to give to teacher:	(10)

Con làm bài nghe theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1S9OiHoMLV3uYbEl_3Z58Go_0MmAc7Gwr/view?usp=sharing

PART 3 Questions 14-19

For each question, write the correct answer in the gap. Write *one or two words or a number or a date or a time*.

You will hear someone talking on the radio about taxis and private hire vehicles in London.



LONDON TAXIS AND PRIVATE HIRE VEHICLES

Methods of payment: (14), or with credit and debit cards

Where to stop a cab: in the (15), or at cab ranks

Tariff 2: Monday - Friday: 8 pm - 10 pm
(16) & : 6 am - 10 pm

Tariff 3: every night: 10 pm - 6 am & on (17)

Requirements: taxi drivers to complete a (18) examination

Notice: Private hire vehicles must always be (19) either at an operator's office, or by phone